

THỊ ỦY HƯƠNG TRÀ
BAN TUYÊN GIÁO

*

Số 27-CV/BTG

v/v gửi Đề cương tuyên truyền
kỷ niệm 255 năm Ngày sinh Nguyễn Du

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

Hương Trà, ngày 02 tháng 11 năm 2020

- Kính gửi:
- Các tổ chức cơ sở đảng trực thuộc Thị ủy;
 - Ủy ban MTTQVN và các đoàn thể chính trị - xã hội thị xã;
 - Phòng Văn hóa và Thông tin thị xã;
 - Trung tâm Văn hóa Thông tin và Thể thao thị xã.

Căn cứ Công văn số 02-CV/BTGTU, ngày 27/10/2020 của Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy về việc “*gửi Đề cương tuyên truyền kỷ niệm 255 năm Ngày sinh Danh nhân văn hóa thế giới, Đại thi hào Nguyễn Du (1765 - 2020)*”; Ban Tuyên giáo Thị ủy sao gửi đề cương tuyên truyền (kèm theo công văn) đến các TCCS đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội thị xã, Phòng Văn hóa và Thông tin, Trung tâm Văn hóa Thông tin và Thể thao thị xã (Đề cương được đăng tải lên trang thông tin điện tử của Thị ủy Hương Trà tại địa chỉ: thiuyhuongtra.vn).

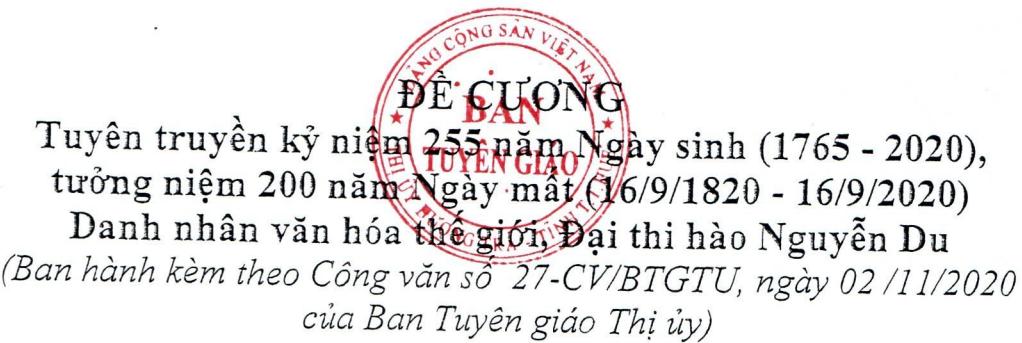
Đề nghị các đơn vị triển khai tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng và phổ biến rộng rãi trong cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân trên địa bàn thị xã.

Nơi nhận:

- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy; (để b/c)
- Thường trực Thị ủy;
- Như trên;
- Lưu BTG.



Lê Nhật Minh



Tuyên truyền kỷ niệm 255 năm Ngày sinh (1765 - 2020),
tưởng niệm 200 năm Ngày mất (16/9/1820 - 16/9/2020)
Danh nhân văn hóa thế giới, Đại thi hào Nguyễn Du
(Ban hành kèm theo Công văn số 27-CV/BTGTU, ngày 02/11/2020
của Ban Tuyên giáo Thị ủy)

1. Thân thế, sự nghiệp Đại thi hào Nguyễn Du

Nguyễn Du (1765 - 1820), tên chữ là Tô Nhu, hiệu Thanh Hiên, sinh tại kinh thành Thăng Long (nay là Thủ đô Hà Nội). Cha là Hoàng giáp Nguyễn Nghiêm (1708 - 1776), quê xã Tiên Diền, huyện Nghi Xuân, tỉnh Hà Tĩnh, làm quan đến chức Tham Tụng (Tể tướng) dưới triều Lê; mẹ là bà Trần Thị Tân quê ở Kinh Bắc - Bắc Ninh.

Năm Tân Mão (1771), Nguyễn Nghiêm thôi giữ chức Tể tướng, Nguyễn Du theo cha về quê, đến năm 13 tuổi thì mồ côi cả cha lẫn mẹ. Năm 1783, Nguyễn Du thi đậu Tam trường, được tập ám một chức quan võ của người cha nuôi họ Hà (Hà Mỗ) ở Thái Nguyên. Sau đó, Nguyễn Du lấy vợ là bà Đoàn Thị Huệ, người làng An Hải, huyện Quỳnh Côi, trấn Sơn Nam (nay là tỉnh Thái Bình), con gái của tiến sỹ Đoàn Nguyễn Thực. Năm Mậu Thân (1788), khi Nguyễn Huệ lên ngôi Hoàng đế lấy hiệu Quang Trung, Nguyễn Du lánh về nhà anh vợ là Đoàn Nguyễn Tuấn tại Thái Bình.

Mười năm ở quê vợ là quãng “Mười năm gió bụi”, bao cảnh cơ hàn, bần cực đã đến với Nguyễn Du. Khi bố vợ là Đoàn Nguyễn Thực mất, người con trai lớn mất, Nguyễn Du cùng người con trai nhỏ Nguyễn Tú về quê cũ ở xã Tiên Diền. Trở lại quê, dinh cơ của cha đã tan hoang, anh em đôi ngả, Nguyễn Du thốt lên “Hồng Lĩnh vô gia huynh đệ tán” (trở về Hồng Lĩnh, gia đình không còn, anh em lưu tán). Nguyễn Du được bà con họ tộc chia cho mảnh đất tại thôn Thuận Mỹ làm nhà để ở. Và cũng từ đây, Nguyễn Du có biệt hiệu “Hồng Sơn liệp hộ” (người đi săn ở núi Hồng) và “Nam Hải điếu đờ” (người câu cá ở bể Nam).

Năm Nhâm Tuất (1802), Gia Long lên ngôi, Nguyễn Du được bổ làm Tri huyện Phù Dung (phủ Khoái Châu, trấn Sơn Nam); tháng 11 làm Tri phủ Thường Tín, trấn Sơn Nam (tỉnh Hà Tây). Năm Quý Hợi (1803), được cử cùng phái bộ nghênh tiếp sứ thần nhà Thanh sang sắc phong cho vua Gia Long. Mùa thu năm Giáp Tý (1804), Nguyễn Du cáo bệnh về quê. Năm Ất Sửu (1805), được thăng Đông Các Đại học sĩ, tước Du Đức hầu (hàm ngũ phẩm). Tháng 9 năm Đinh Mão (1807) giữ chức giám khảo thi Hương ở Hải Dương, sau xin về quê. Năm Kỷ Tỵ (1809), ông giữ chức Cai Bá tỉnh Quảng Bình. Tháng 9 năm Nhâm Tuất (1812), Nguyễn Du xin nghỉ về quê 2 tháng để xây mộ cho anh là Nguyễn Nê, tháng 02

năm Quý Dậu (1813) có chỉ triệu về kinh, được thăng hàm Càn Chánh điện học sĩ, cử đi sứ Trung Quốc với tư cách là Tuế cống Chánh sứ. Tháng 4 năm Giáp Tuất (1814), Nguyễn Du trở về nước, có tập thơ “*Bắc Hành tạp lục*” và được vua Gia Long thăng chức Hữu Tham tri bộ Lễ (hàm Tam phẩm). Mùa thu năm Kỷ Mão (1819), được cử làm Đề điệu trường thi Quảng Nam, ông dâng biểu từ chối, được chuẩn y. Tháng 8 năm Canh Thìn (1820) vua Gia Long mất, Minh Mạng lên ngôi, Nguyễn Du được cử làm Chánh sứ sang nhà Thanh báo tang và cầu phong. Tuy nhiên, chưa kịp thực hiện thì ngày 10 tháng 8 năm Canh Thìn (6/9/1820), Nguyễn Du bị cảm bệnh và mất tại kinh thành Huế, hưởng thọ 56 tuổi.

2. Sự nghiệp sáng tác

Nguyễn Du đã để lại cho hậu thế nhiều tác phẩm văn chương bất hủ bao gồm cả chữ Hán và chữ Nôm, trong đó sáng tác chữ Hán, bao gồm:

“*Thanh Hiên thi tập*” gồm 78 bài, viết chủ yếu trong những năm tháng trước khi làm quan triều Nguyễn. “*Nam trung tạp ngâm*” gồm 40 bài thơ làm từ năm 1805 đến cuối năm 1812, được viết khi ông làm quan ở Huế, Quảng Bình và những địa phương ở phía nam Hà Tĩnh. “*Bắc hành tạp lục*” gồm 131 bài thơ, viết trong chuyến đi sứ sang Trung Quốc.

Sáng tác chữ Nôm, gồm có: “*Đoạn trường tân thanh*” (Tiếng kêu mới về nỗi đau đứt ruột), tức tác phẩm “*Truyện Kiều*”, gồm 3.254 câu thơ theo thể lục bát. “*Văn chiêu hồn*” nguyên có tên là “*Văn tế thập loại chúng sinh*”, nghĩa là Văn tế mười loại người, là một ngâm khúc gồm 184 câu viết theo thể song thất lục bát. “*Thác lời trai phuòng nón*” gồm 48 câu, cũng được viết bằng thể lục bát, nội dung thay lời người con trai phuòng nón làm thơ tỏ tình với cô gái phuòng vải. “*Văn tế sông Trường Lưu nhị nữ*” gồm 98 câu, viết theo lối văn tế...

3. Tác phẩm “*Truyện Kiều*”

Kiệt tác “*Truyện Kiều*” của Nguyễn Du nguyên có tên là “*Đoạn trường tân thanh*”. Đây là tác phẩm truyện thơ nôm lục bát viết dựa trên cốt truyện “*Kim Vân Kiều truyện*” của Thanh Tâm Tài Nhân (Trung Quốc). Mượn bối cảnh xã hội Trung Quốc đời nhà Minh (*Rằng năm Gia Tĩnh triều Minh*) nhưng “*Truyện Kiều*” chính là bức tranh rộng lớn về cuộc sống thời đại lúc nhà thơ đang sống. Tác phẩm gồm 3.254 câu lục bát kể về cuộc đời 15 năm lưu lạc, chìm nổi của Thúy Kiều, người con gái tài sắc vẹn toàn nhưng vì gia biến phải bán mình chuộc cha, rơi vào cảnh “*Thanh y hai lượt, thanh lâu hai lần*”, bị cuộc đời dày xéo, chà đạp.

Về giá trị hiện thực: tác phẩm đã phơi bày bộ mặt xã hội phong kiến bất công, tàn bạo, đồng thời phản ánh nỗi khổ đau, bất hạnh của con người, đặc biệt là người phụ nữ trong xã hội phong kiến.

Về giá trị nhân đạo: “Truyện Kiều” là tiếng nói đề cao tình yêu tự do, khát vọng công lý và ngợi ca vẻ đẹp của con người. Viết “Truyện Kiều”, Nguyễn Du thể hiện ước mơ đẹp đẽ về một tình yêu tự do, trong sáng, thủy chung trong xã hội mà quan niệm về tình yêu, hôn nhân còn hết sức khắc nghiệt. Mỗi tình Kim - Kiều được xem như là bài ca tuyệt đẹp về tình yêu lứa đôi trong văn học dân tộc. “Truyện Kiều” còn là bài ca ca ngợi vẻ đẹp của con người. Đó là vẻ đẹp của tài, sắc, tình, lòng hiếu thảo, trái tim nhân hậu, đức tính vị tha, thủy chung, khí chất anh hùng... Thúy Kiều, Kim Trọng, Từ Hải là hiện thân cho những vẻ đẹp đó. Thông qua nhân vật Từ Hải, người anh hùng hảo hán, một mình dám chống lại cả xã hội bạo tàn, Nguyễn Du còn thể hiện khát vọng công lý tự do, dân chủ giữa một xã hội bất công, tù túng.

Cùng với đó, “Truyện Kiều” còn là tiếng nói lên án các thế lực tàn bạo, chà đạp lên quyền sống con người. Thế lực đó được diễn hình hóa qua các nhân vật, như : Mã Giám Sinh, Sở Khanh, Tú Bà, qua bộ mặt quan tham như Hồ Tôn Hiến... Đó còn là sự tàn phá, hủy diệt của đồng tiền trong tay bọn người bất lương tàn bạo, nó có sức mạnh đổi trắng thay đen, biến con người thành thứ hàng hóa để mua bán, chà đạp.

Về giá trị nghệ thuật: Nguyễn Du đã kết hợp tài tình tinh hoa của ngôn ngữ bác học với tinh hoa của ngôn ngữ bình dân. Với “Truyện Kiều”, tiếng Việt và thể thơ lục bát của dân tộc đã đạt tới đỉnh cao rực rỡ của nghệ thuật thi ca, là sự kết tinh thành tựu nghệ thuật văn học dân tộc trên các phương diện ngôn ngữ, thể loại. Công lao đóng góp của Nguyễn Du về phương diện ngôn ngữ là có một không hai trong lịch sử.

Nghệ thuật tự sự trong “Truyện Kiều” cũng đã có bước phát triển vượt bậc, từ nghệ thuật dẫn chuyện đến nghệ thuật miêu tả thiên nhiên, khắc họa tính cách nhân vật và miêu tả tâm lí con người. Trong lời tựa cuốn “Truyện Kiều” ra mắt lần đầu tiên vào năm 1820, Mộng Liên Đường chủ nhân (Nguyễn Đăng Tuyền, 1795 - 1880) đã viết: “...Tố Như tử dụng tâm đã khổ, tự sự đã khéo, tả cảnh đã hệt, đàm tình đã thiết, nếu không phải có con mắt trông thấu sáu cõi, tâm lòng nghĩ suốt ngàn đời, thì tài nào có bút lực ấy...”.

Với những giá trị to lớn ấy, hàng trăm năm nay, “Truyện Kiều” luôn được lưu truyền rộng rãi và có sức chinh phục lớn đối với mọi tầng lớp độc giả từ trí thức tới người bình dân, làm lay động trái tim của bao thế hệ người Việt Nam, là cảm hứng sáng tác cho rất nhiều những tác phẩm thi ca, nhạc họa sau này.

“Truyện Kiều” của Nguyễn Du cũng đã góp phần đưa văn học Việt Nam vượt ra khỏi bờ cõi của một quốc gia, trở thành một phần của tinh hoa văn hóa nhân loại, ghi dấu ấn văn học Việt Nam trên thi đàn quốc tế. Với “Truyện Kiều” nói riêng và toàn bộ trước tác của Nguyễn Du nói chung, ông được các thế hệ người

Việt Nam tôn vinh là Đại thi hào dân tộc, Hội đồng Hòa bình thế giới vinh danh là Danh nhân văn hóa thế giới (1965).

Đánh giá về “*Truyện Kiều*”, trong Lời đầu sách “*Từ điển Truyện Kiều*” (1974), Giáo sư Đào Duy Anh viết: “*Trong lịch sử ngôn ngữ và lịch sử văn học Việt Nam, nếu Nguyễn Trãi với “Quốc âm thi tập” là người đặt nền móng cho ngôn ngữ văn học dân tộc thì Nguyễn Du với “Truyện Kiều” lại là người đặt nền móng cho ngôn ngữ văn học hiện đại của nước ta...*”.

Giáo sư - Nhà giáo Nhân dân Lê Đình Kỵ, người được xem là “chuyên gia *Truyện Kiều*” đã có những trang văn nhận định thú vị: “*Truyện Kiều nổi lên so với những giá trị văn học đương thời và khiết sáng tác của Nguyễn Du gần với chúng ta ngày nay, về cả nội dung và hình thức nghệ thuật... Trước sau “Truyện Kiều” vẫn là di sản vĩ đại, là tuyệt đỉnh của nền văn học dân tộc quá khứ. Quan điểm lịch sử cũng như đòi hỏi muôn đời của giá trị văn học đều cho phép ta khẳng định điều đó*”.

Phát biểu tại Hội thảo quốc tế “*Đại thi hào dân tộc, Danh nhân văn hóa thế giới Nguyễn Du: Di sản và các giá trị xuyên thời đại*” do Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam và UBND tỉnh Hà Tĩnh tổ chức vào năm 2015, đồng chí Đinh Thế Huynh - Ủy viên Bộ Chính trị, Trưởng ban Tuyên giáo Trung ương đã phát biểu: “*Sáng tạo của Nguyễn Du là sáng tạo gắn liền với sự chiêm nghiệm sâu sắc về đời sống, về những số phận, những kiếp người. Nguyễn Du khóc thương cho những thân phận đau khổ, đặc biệt là số phận của người phụ nữ, lên án bất công xã hội, ước mơ giải phóng con người... Vì vậy, nhiều câu thơ của Nguyễn Du là sự khai quật thành những triết lý nhân sinh sâu sắc về cuộc đời, về con người, về những cảnh huống của đời người. Đó không phải là những vấn đề của một thời mà của nhiều thời. Đó không phải là những vấn đề của một quốc gia, một cộng đồng, một con người mà là của toàn nhân loại...*”.

Đến nay, “*Truyện Kiều*” đã được dịch ra hơn 30 thứ tiếng trên thế giới, trong đó tiếng Pháp có trên 10 bản dịch, tiếng Anh và tiếng Hàn Quốc trên 10 bản, tiếng Nhật có 5 bản...

4. Tôn vinh Đại thi hào Nguyễn Du

Với những cống hiến của Đại thi hào Nguyễn Du cho nền văn học nước nhà và sự phát triển văn hóa của nhân loại, tháng 12/1964, tại thành phố Béclin (Đức), Hội đồng Hòa bình thế giới ra quyết định tổ chức kỷ niệm 200 năm Ngày sinh Nguyễn Du (1675 - 1965) cùng với 8 danh nhân văn hóa trên toàn thế giới. Sau đó, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam (nay là Đảng Cộng sản Việt Nam) đã có Chỉ thị số 112-CT/TW, ngày 26/10/1965 về việc “*Kỷ niệm Nguyễn Du*”. Đây là cột mốc lớn trong việc nghiên cứu, khẳng định và tôn vinh Nguyễn Du và “*Truyện Kiều*”.

Từ đó đến nay, các hoạt động nghiên cứu, bảo tồn và phát huy giá trị những tác phẩm của Nguyễn Du, nhất là “*Truyện Kiều*” luôn được tiến hành và đạt nhiều kết quả mới, nhất là vào các dịp kỷ niệm 240 năm, 245 năm ngày sinh của Nguyễn Du do Bộ Văn hóa - Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Hội Nhà văn Việt Nam và tỉnh Hà Tĩnh phối hợp tổ chức.

Ngày 25/10/2013, tại Kỳ họp lần thứ 37 của Đại Hội đồng Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên Hợp Quốc (UNESCO) họp tại Paris đã chính thức ban hành Nghị quyết số 37C/15 phê chuẩn Quyết định số 191EX/32 và 192EX/32, nhất trí vinh danh Đại thi hào Nguyễn Du cùng với 107 danh nhân văn hóa toàn thế giới. Theo đó, hoạt động tôn vinh được triển khai ở Việt Nam và tại các nước trong cộng đồng UNESCO (niên độ 2014 - 2015).

Ngày 15/8/2014, Văn phòng Trung ương Đảng có Công văn số 8467-CV/VPTW thông báo ý kiến của Ban Bí thư về việc “*Đồng ý chủ trương tổ chức Lễ kỷ niệm cấp quốc gia 250 năm Ngày sinh Đại thi hào Nguyễn Du, Danh nhân văn hóa thế giới trong năm 2015. Tỉnh Hà Tĩnh chủ trì tổ chức Lễ kỷ niệm; mời đại diện lãnh đạo Đảng, Nhà nước dự*”.

Trong năm 2015, tỉnh Hà Tĩnh đã tổ chức các hoạt động kỷ niệm 250 năm Ngày sinh Đại thi hào Nguyễn Du, gồm:

- Phối hợp Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam tổ chức Hội thảo “*Đại thi hào dân tộc, Danh nhân văn hóa thế giới Nguyễn Du: Di sản và các giá trị xuyên thời đại*”. Phối hợp Hội Kiều học Việt Nam tổ chức hội thảo “*Nguyễn Du và Truyện Kiều với quê hương Hà Tĩnh*”.

- Xuất bản các ấn phẩm: “*Vọng mãi lời quê*”, “*Truyện Kiều và nghệ thuật tạo hình*”; tổ chức Hội thảo khoa học “*Nguyễn Du - Danh nhân văn hóa thế giới, Đại thi hào dân tộc trong chương trình Ngữ văn phổ thông*”.

- Tổ chức Liên hoan Nghệ thuật quần chúng Đàn và hát dân ca các tỉnh Bắc Trung bộ và Châu thổ sông Hồng; trưng bày triển lãm “*Di sản văn chương Nguyễn Du và Truyện Kiều*”; Bộ tranh sơn dầu minh họa Truyện Kiều; “*Di chỉ khảo cổ Phối Phối - Bãi Cọi*”, “*Mộc bản Trường học Phúc Giang*”, “*Di sản văn chương Nguyễn Du và Truyện Kiều*”; Trao Giải thưởng “*Văn học - Nghệ thuật Nguyễn Du*”.

- Lễ kỷ niệm 250 năm Ngày sinh Đại thi hào Nguyễn Du được Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ, Ủy ban MTTQ Việt Nam, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và tỉnh Hà Tĩnh đã long trọng tổ chức vào ngày 05/12/2015, tại thành phố Hà Tĩnh.

Năm 2020, kỷ niệm 255 năm Ngày sinh, tưởng niệm 200 năm Ngày mất Đại thi hào Nguyễn Du, tỉnh Hà Tĩnh sẽ tổ chức các hoạt động chính: Xuất bản ấn phẩm “*Truyện Kiều tam ngữ*” (Truyện Kiều bằng 3 thứ tiếng: Việt - Anh - Pháp);

tổ chức Hội thảo khoa học “*Tiếng Việt trong Truyền Kiều*”; trưng bày các án phẩm về Nguyễn Du, Truyền Kiều; tổ chức Liên hoan các Câu lạc bộ Dân ca Ví Giặm; tổ chức Tuần Văn hóa - Du lịch Nguyễn Du; phát động Cuộc thi tìm hiểu về Đại thi hào dân tộc Nguyễn Du, Truyền Kiều trong các cơ sở giáo dục; sản xuất phim tài liệu nghệ thuật, phim truyện về Đại thi hào dân tộc Nguyễn Du và Truyền Kiều; tổng kết trao giải thưởng cuộc thi “*Bạn đọc thuộc Truyền Kiều*”, “*Viết văn tế Nguyễn Du*”; tổ chức xét và trao Giải thưởng Văn học Nguyễn Du lần thứ VII; chỉnh trang Khu lưu niệm Nguyễn Du...

5. Di tích quốc gia đặc biệt Khu lưu niệm Nguyễn Du

Khu lưu niệm Nguyễn Du được xếp hạng Di tích quốc gia đặc biệt theo Quyết định số 1419/QĐ-TTg, ngày 27/9/2012 của Thủ tướng Chính phủ, các hạng mục chính của Khu lưu niệm, bao gồm:

Nhà thờ Nguyễn Du: Năm 1824, Nguyễn Ngũ (con trai của Nguyễn Du) cùng con cháu trong dòng họ đã đưa hài cốt Nguyễn Du về quê cải táng và lập đền thờ ngay trên khu vườn cũ của ông tại xóm Tiền, thôn Lương Năng (nay là thôn Thuận Mỹ, xã Tiên Đèn, huyện Nghi Xuân). Khoảng thời gian 1934 - 1935, nhà thờ bị hư hại. Năm 1940, Hội Khai trí Tiền Đức cùng con cháu họ Nguyễn Tiên Đèn xây dựng nhà thờ trong khu vườn họ Nguyễn. Năm 2010, Nhà thờ Đại thi hào Nguyễn Du được xây dựng mới và khánh thành vào tháng 11/2012.

Nhà Văn thánh - Bình văn: Văn thánh hàng huyện thờ Khổng Tử do Nguyễn Nghiêm xây dựng. Trước đây, mỗi dịp xuân về, các bậc túc nho trong vùng về đây để báo ơn, bình văn, đọc thơ và tổ chức lễ “cầu khoa” cầu cho con em trong vùng thành danh trên con đường khoa cử.

Đàn tế, bia đá Nguyễn Quỳnh (ông nội Nguyễn Du): năm 1762, sau khi Nguyễn Nghiêm được phong Tể tướng, ông cùng em trai là Nguyễn Trọng lập đàn tế, dựng bia đá tưởng nhớ công ơn của cha mẹ.

Mộ Đại thi hào Nguyễn Du: Nguyễn Du lâm bệnh và mất tại Huế vào ngày 10 tháng 8 năm Canh Thìn (ngày 16/9/1820) thọ 56 tuổi. Phần mộ đặt tại cánh đồng Bàu Đá, xã An Ninh, huyện Hương Trà, dinh Quảng Đức (nay thuộc phường Kim Long, thành phố Huế). Năm 1824, người con trai của ông là Nguyễn Ngũ và cháu là Nguyễn Thắng dời về cải táng trong vườn nhà tại xóm Tiền, thôn Lương Năng (nay là thôn Thuận Mỹ, xã Tiên Đèn, huyện Nghi Xuân). Năm 1826, Nguyễn Ngũ dịch chuyển ra cạnh đó 500m, hai năm sau được chuyển ra khu nghĩa trang tại xú Đồng cùng thuộc thôn Tiền Giáp. Với dự án tôn tạo khu di tích Nguyễn Du bằng nguồn vốn Chương trình mục tiêu quốc gia về văn hóa (1999 - 2004), khu mộ đã được xây dựng, chỉnh trang lại như hiện nay.

Đền thờ, mộ Nguyễn Nghiêm (1708 - 1776): Nguyễn Nghiêm là con trai thứ hai của Lĩnh Nam công Nguyễn Quỳnh và là thân phụ Đại thi hào Nguyễn Du.

Ông là nhà chính trị, nhà giáo dục, nhà sử học uyên bác và là người đứng đầu về con đường cử nghiệp, khoa bảng họ Nguyễn Tiên Diền. Ông đỗ tiến sĩ năm 1731, làm Té cửu Quốc Tử Giám (1742), giữ chức Tể tướng (1762) và trong gần 50 năm làm quan của mình, ông đã để lại nhiều trước tác có giá trị, như: “Quân trung liệt vịnh”, “Xuân đình tạp vịnh”, “Cổ lỗ nhạc thi văn” và bài phú Nôm “Khổng Tử mộng Chu Công”... Đền thờ được xây dựng khi ông còn sống (sinh từ), thuộc thôn Bảo Kê, xã Tiên Diền và nhân dân thường gọi đây là đền “Đức Đại vương hai”. Phần mộ ông hiện nằm tại thôn Thiên Thanh, xã Tiên Diền, huyện Nghi Xuân.

Đền thờ Nguyễn Trọng (1710 - 1789), là chú ruột của Nguyễn Du, người giỏi về văn thơ, lý, số, y học. Đền thờ được xây dựng khi ông còn sống (sinh từ) ở thôn Tiên Quang, xã Tiên Diền. Kiến trúc đơn giản, nội thất còn giữ lại nhiều đồ tế khí, hoành phi câu đối có giá trị. Trước đền thờ có voi, ngựa đá, tấm bia “Tích thiện gia” và trong khuôn viên còn có mộ phần của ông.

Khu lăng Văn Sư: Là khu mộ tổ đời thứ 3 của họ Nguyễn Tiên Diền, gồm mộ Nguyễn Thê - bố Nguyễn Quỳnh; Thuật Hiên công Nguyễn Khanh; Phương Trạch hầu Nguyễn Ôn; Chính thất Lê Quý thị (vợ Phương Trạch hầu); Giới Hiên công Nguyễn Huệ và chính thất Nguyễn Quý thị (vợ Nguyễn Huệ).

Không gian văn hóa Nguyễn Du: Xây dựng vào năm 2000, gồm Tượng đài, Thư viện Nguyễn Du, Hội trường, Nhà thờ, Nhà bảo tàng Nguyễn Du...

Hiện nay, tỉnh Hà Tĩnh đang thực hiện Dự án tu bổ, tôn tạo các di tích gốc và xây dựng cơ sở hạ tầng Khu di tích quốc gia đặc biệt Đại thi hào Nguyễn Du (giai đoạn 1) theo Quyết định số 376/QĐ-TTg, ngày 29/3/2017 của Thủ tướng Chính phủ. Các hạng mục được tu bổ gồm: đình Chợ Trổ, chùa Trường Ninh, Mộ và đền thờ La Khê hầu Nguyễn Trọng, Đền thờ và mộ Xuân quận công Nguyễn Nghiêm, nhà Tư văn 1, nhà Tư văn 2, Lăng Vạn sự, nhà thờ họ Nguyễn..., với tổng mức đầu tư 170,96 tỷ đồng, được thực hiện trong 4 năm (2017 - 2020).

Hiện nay, mỗi năm Khu lưu niệm Nguyễn Du đón từ 1,8 đến 2 vạn lượt khách đến tham quan, trong đó có rất nhiều đoàn khách quốc tế, các chuyên gia, sinh viên các trường đại học đến tìm hiểu, nghiên cứu.

6. Một số thành tựu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Hà Tĩnh - quê hương Danh nhân văn hóa thế giới, Đại thi hào Nguyễn Du trong những năm qua

Phát huy truyền thống quê hương, đất nước, đặc biệt là từ ngày có Đảng, Đảng bộ và nhân dân Hà Tĩnh đã luôn nỗ lực, đi đầu trong mọi phong trào hành động cách mạng, làm nên phong trào Xô Viết Nghệ - Tĩnh (1930 - 1931), Cách mạng tháng Tám năm 1945 và đóng góp sức người, sức của cùng cả nước giành thắng lợi trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ.

Đặc biệt trong thời kỳ đổi mới, Hà Tĩnh đã có bước phát triển vượt bậc về kinh tế - xã hội. Tốc độ tăng trưởng kinh tế cao, chuyển dịch cơ cấu kinh tế rõ nét. Tăng trưởng kinh tế bình quân giai đoạn 2016 - 2020 đạt 6,75%, chất lượng từng bước được nâng lên. Quy mô nền kinh tế năm 2020 gấp 1,6 lần so với năm 2015; GRDP bình quân đầu người tăng từ 44 triệu đồng lên trên 70 triệu đồng, thu nhập bình quân đầu người tăng từ 23 triệu đồng lên 36 triệu đồng. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng, tỷ trọng nông nghiệp còn 12,2%, công nghiệp - xây dựng 45,5%, dịch vụ 42,3%. Cơ cấu lao động chuyển dịch tích cực; năng suất lao động bình quân tăng 11,1%/năm. Nhiều dự án lớn tầm quốc gia và khu vực được thực hiện đảm bảo tiến độ và đi vào hoạt động hiệu quả. Công nghiệp tăng trưởng nhanh, tiếp tục là động lực chủ yếu của nền kinh tế, bình quân đạt 46,7%. Tỷ trọng công nghiệp tăng nhanh, từ 12,4% lên 38,9%. Dự án Khu liên hợp gang thép và cảng Sơn Dương Formosa Hà Tĩnh (giai đoạn 1) đi vào hoạt động. Cơ cấu lại ngành nông nghiệp đạt kết quả khá. Tốc độ tăng trưởng bình quân toàn ngành đạt 2%/năm. Tỷ trọng giá trị chăn nuôi tăng từ 48,8% lên 53%; tỷ trọng nhóm các sản phẩm chủ lực tăng từ 30,4% lên 46%; giảm tỷ trọng trồng trọt từ 49% xuống dưới 43%; có 122 sản phẩm đạt chuẩn OCOP 3 sao, 4 sao. Giá trị sản xuất trên đơn vị diện tích tăng từ 70 triệu đồng/ha lên trên 90 triệu đồng/ha. Dịch vụ, thương mại, du lịch từng bước khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế của tỉnh, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động. Tăng trưởng bình quân 5,5%. Doanh thu du lịch năm 2020 tăng 17% so với năm 2015. Giá trị kim ngạch xuất khẩu tăng gấp 9,7 lần so với năm 2015. Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài tăng trưởng vượt bậc, đóng góp trên 30% GRDP. Kinh tế tập thể được quan tâm, khuyến khích phát triển, từng bước hoạt động thực chất, hiệu quả.

Phong trào xây dựng nông thôn mới được tập trung quyết liệt, an sinh xã hội được đảm bảo. Chương trình xây dựng nông thôn mới xếp tốp đầu của cả nước, là một trong 5 tỉnh được Trung ương chọn làm điểm chỉ đạo. Kết quả thực hiện xây dựng nông thôn mới vượt chỉ tiêu và về đích trước 02 năm so với mục tiêu Đại hội. Toàn tỉnh hiện có 93% số xã, dự kiến cuối năm 2020 có 05 huyện đạt chuẩn nông thôn mới; 15 xã nông thôn mới nâng cao; 03 xã nông thôn mới kiểu mẫu; thành phố Hà Tĩnh, thị xã Hồng Lĩnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới. Xây dựng khu dân cư nông thôn mới kiểu mẫu, vườn mẫu đạt kết quả nổi bật, với những cách làm sáng tạo, góp phần quan trọng nâng cao chất lượng toàn diện chương trình xây dựng nông thôn mới. Các công trình, dự án trọng điểm được triển khai đảm bảo tiến độ, nhiều dự án đã đi vào hoạt động phát huy hiệu quả, đóng góp vào phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Lĩnh vực văn hóa - xã hội chuyển biến tích cực; giáo dục - đào tạo luôn là một trong 5 tỉnh dẫn đầu toàn quốc; tỷ lệ tốt nghiệp THPT và đậu vào các trường đại học, cao đẳng đạt cao, thành tích học sinh giỏi quốc gia trong tốp đầu của cả nước,

có học sinh đạt giải quốc tế (Huy chương vàng), phổ cập THCS vững chắc; tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia các cấp học đạt cao. Văn hóa, Thể thao và Du lịch giành được nhiều kết quả: UNESCO công nhận Ca Trù là Di sản văn hóa phi vật thể cần bảo vệ khẩn cấp, Dân ca Ví, Giặm Nghệ Tĩnh là Di sản văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại; Mộc bản Trường học Phúc Giang, Hoàng Hoa sứ trình đồ là Di sản quốc gia và Di sản ký ức thế giới khu vực Châu Á - Thái Bình Dương. Quản lý, khai thác và phát huy tốt giá trị của các lễ hội và di tích; Phong trào toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa phát triển mạnh mẽ kết hợp tốt với phong trào xây dựng nông thôn mới; thể thao quần chúng và thể thao thành tích cao giành được nhiều kết quả và thành tích. Công tác khám, chữa bệnh, phòng chống dịch bệnh, chăm sóc sức khỏe Nhân dân chuyển biến tích cực. Công tác an sinh xã hội được quan tâm; mở rộng và nâng cao chất lượng đào tạo nghề, đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; thực hiện tốt các chế độ, chính sách đối với người có công; tính đến cuối năm 2019, tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 4,53%, hộ cận nghèo giảm còn 5,06%.

Quốc phòng - an ninh được tăng cường, tình hình an ninh trật tự an toàn xã hội tiếp tục ổn định. Đời sống văn hóa, tinh thần của Nhân dân được nâng cao; môi trường văn hóa - xã hội lành mạnh, khối đại đoàn kết, gắn bó trong cộng đồng dân cư được tăng cường.

Hiện nay, Hà Tĩnh đã triển khai Đại hội đảng bộ các cấp và Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX (nhiệm kỳ 2020 - 2025), hướng tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, nỗ lực phấn đấu phát triển nhanh và bền vững./.